CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thép Vicasa - VNSTEEL

Ngày 30/09/2025	9,230 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.8%	**3.2%**	**-**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,300 - 17,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	140
Số lượng CPLH (CP)	15,187,322
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20,800
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.62
EPS	64
P/E	144.5

DT thuần
Q3/25
43.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼531| -92.4%
YoY: ▼340| -88.7%

LN thuần
Q3/25
-4.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.24| -253%
YoY: ▼0.24| -5.7%

LN sau thuế
Q3/25
-3.54
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.47| -284%
YoY: ▼0.23| -7.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-9.9%
YoY: +/-▼ 10.5%

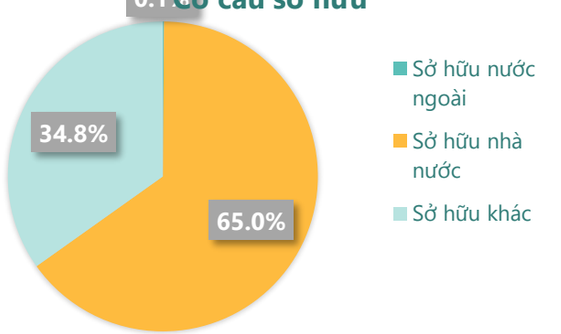
ROE (TTM)
Q3/25
0.5%
YoY: +/-▼ 0.1%

DT thuần
9T 2025
928
tỷ VNĐ
YoY: ▼85.0| -8.4%

LN thuần
9T 2025
-1.48
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.41| 21.7%

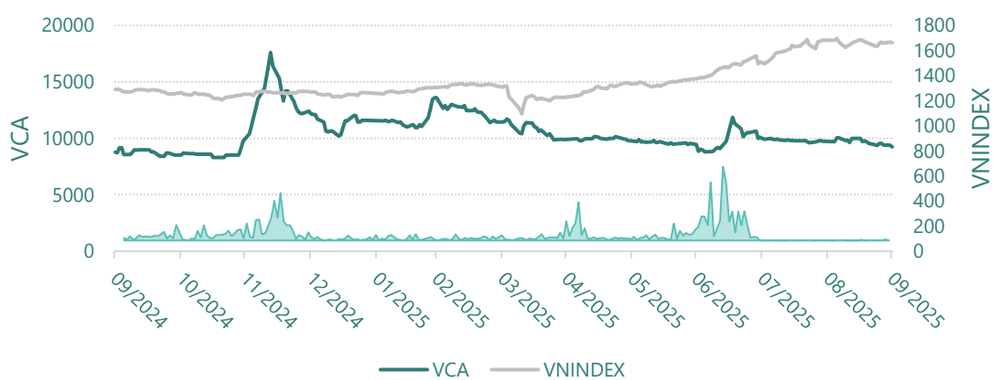
LN sau thuế
9T 2025
-1.58
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.07| -4.4%

Cơ cấu sở hữu

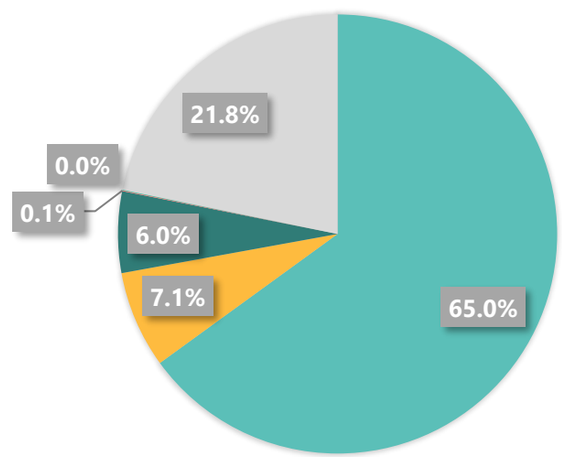


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

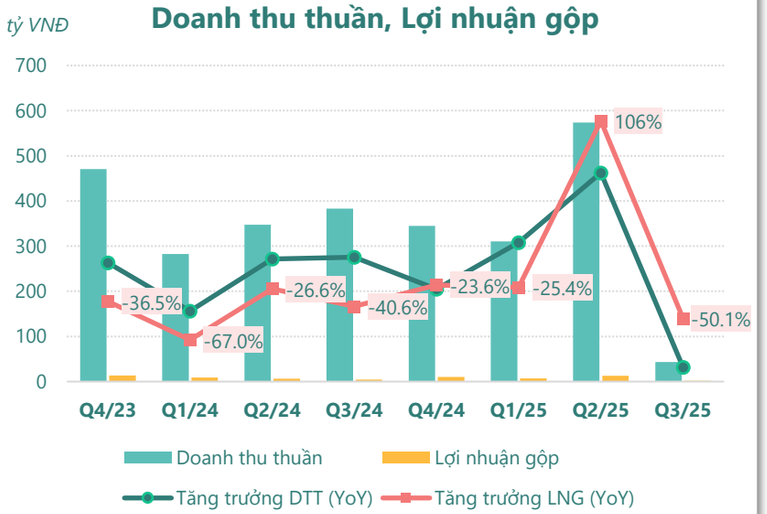


Bùi Tuấn Anh
CTCP Thép Đà Nẵng
American LLC
Mè Hồng Minh
Huỳnh Thị Lệ Nga
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

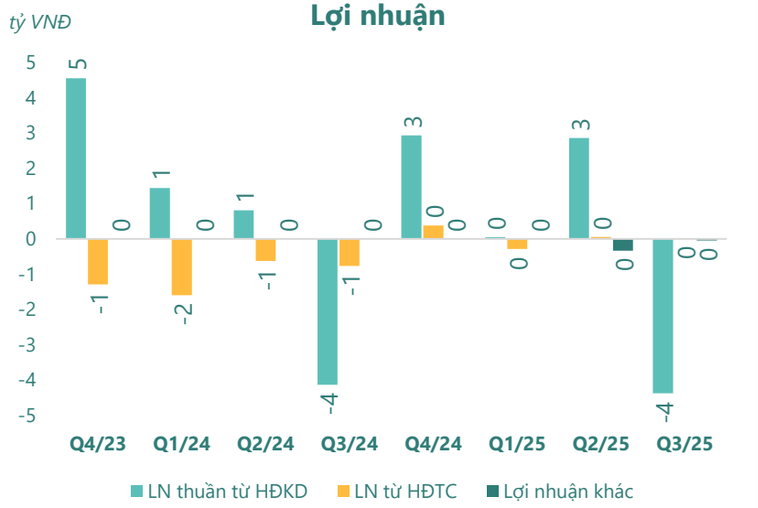
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



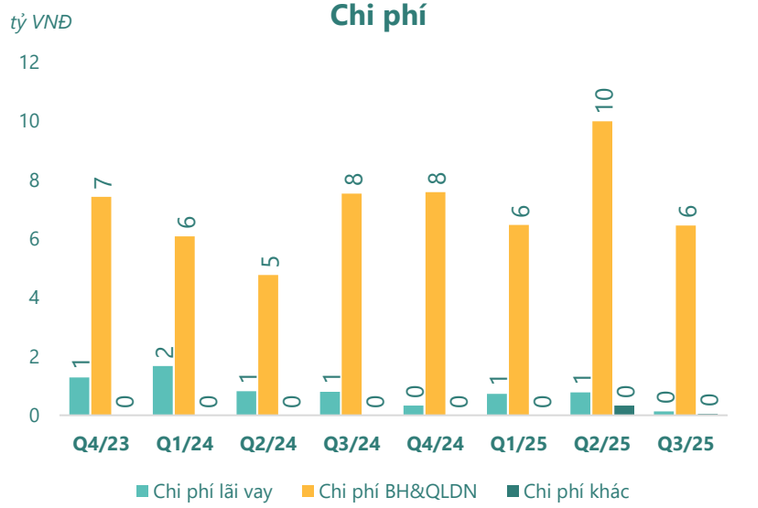
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



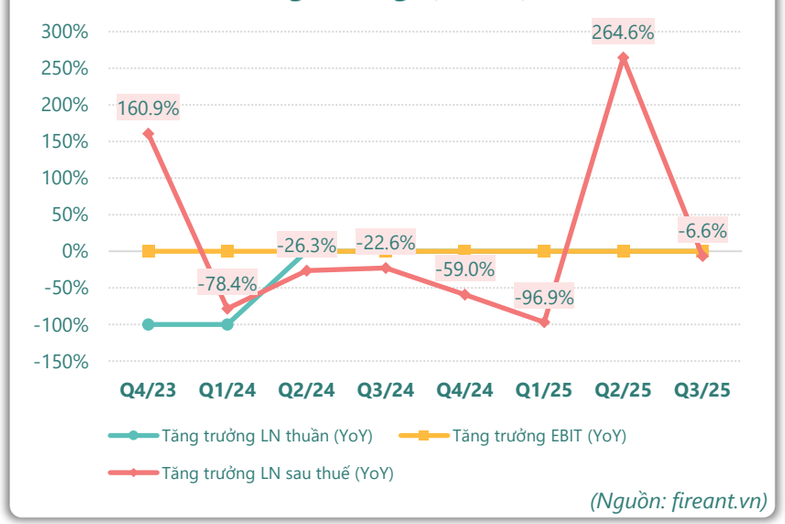
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



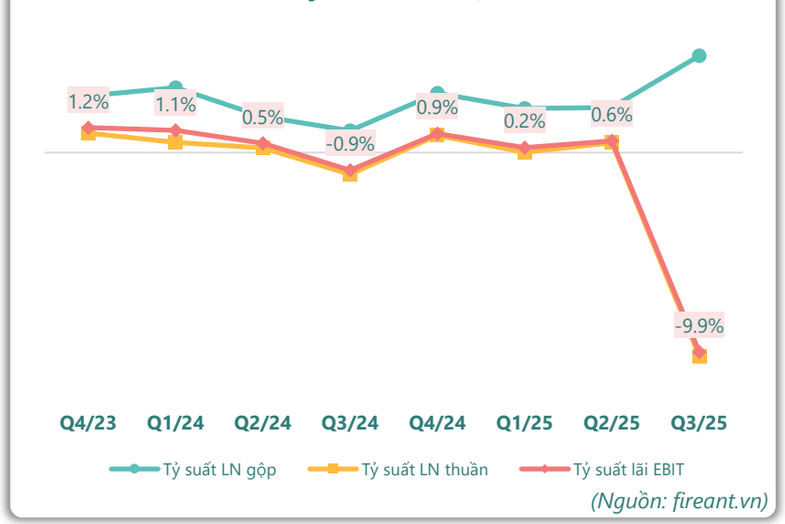
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



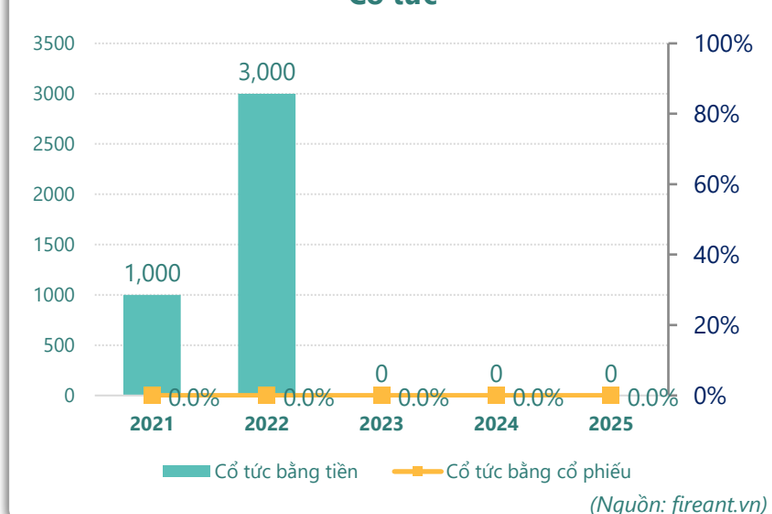
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

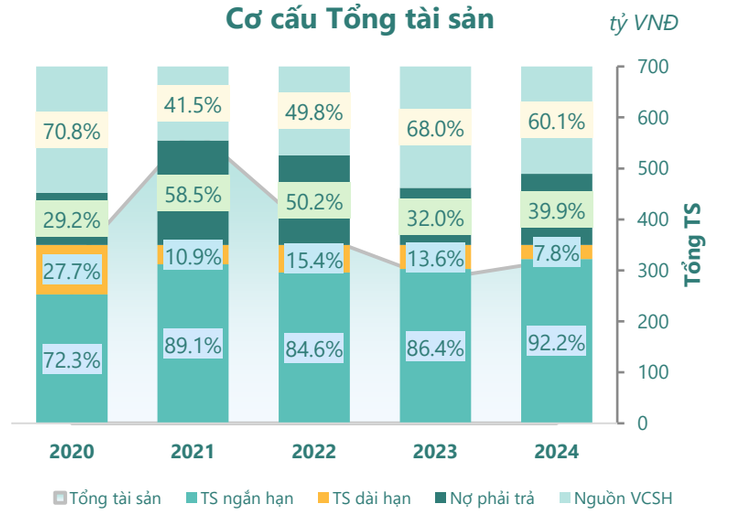
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

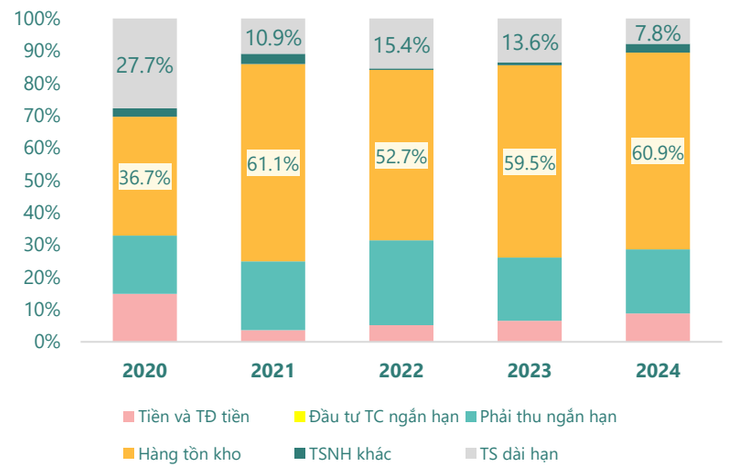
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



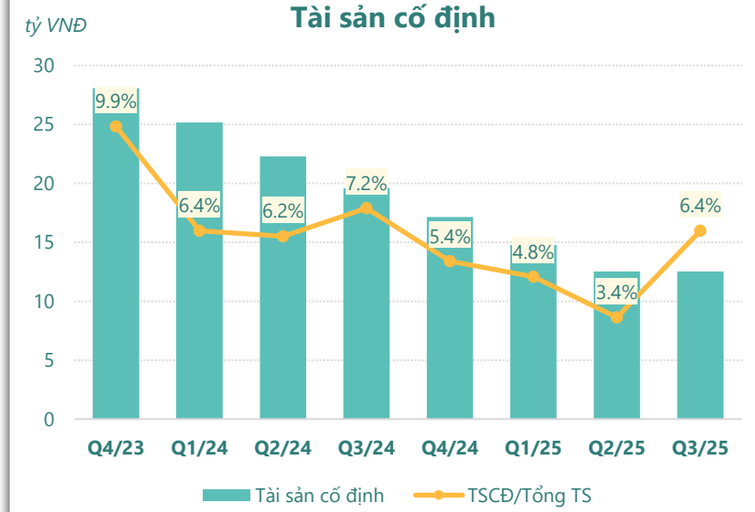
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



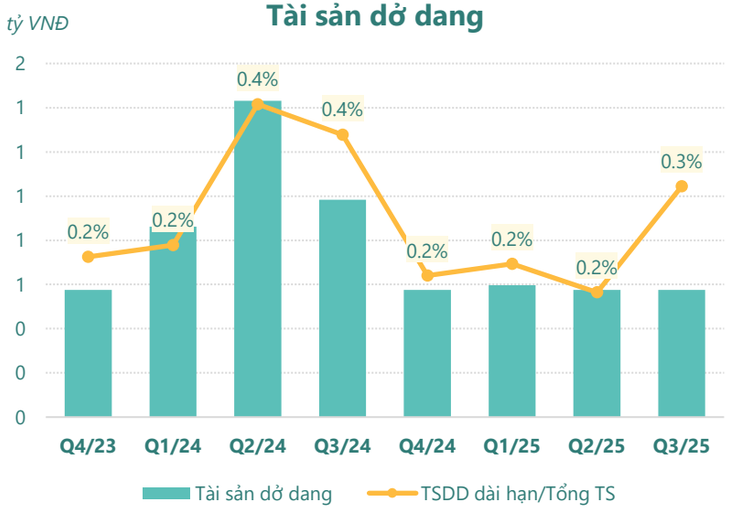
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



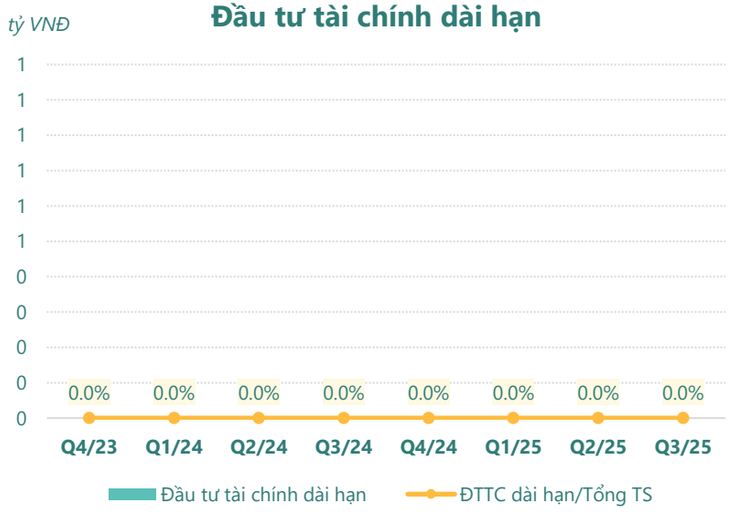
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



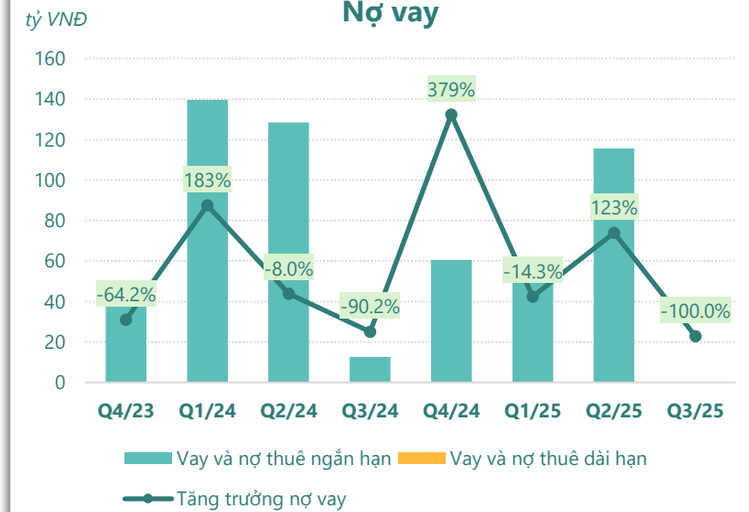
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

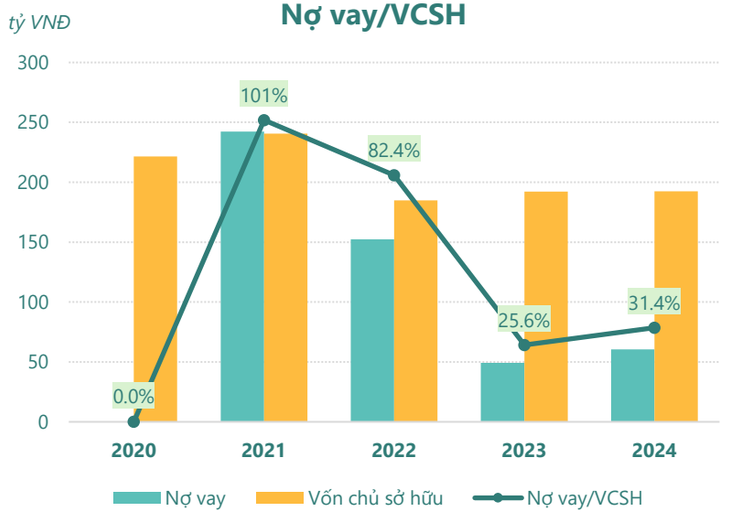
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

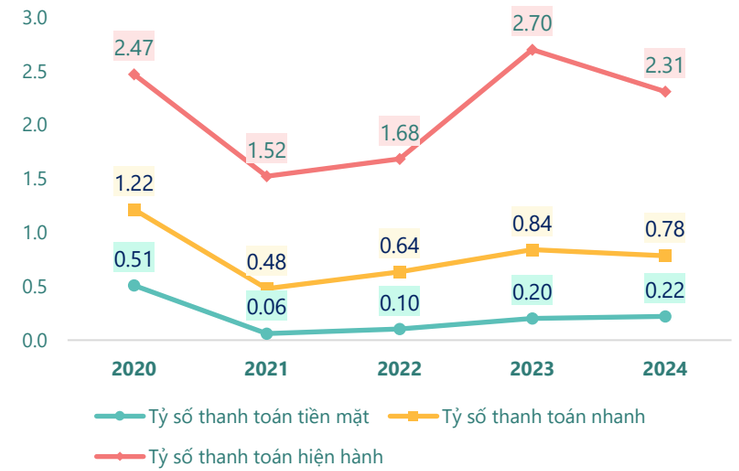
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



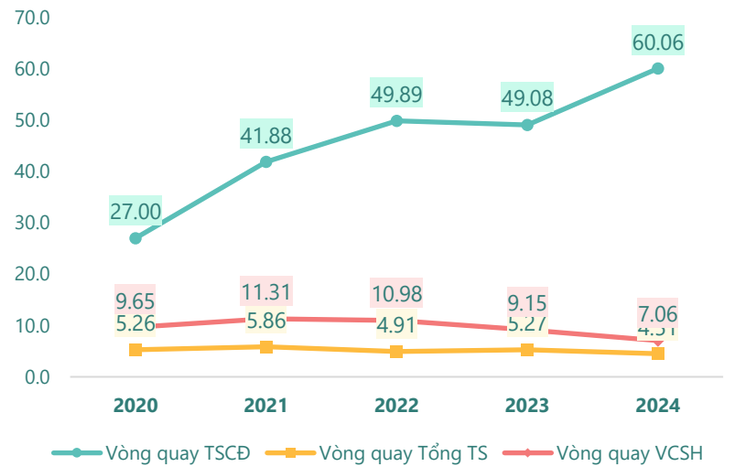
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



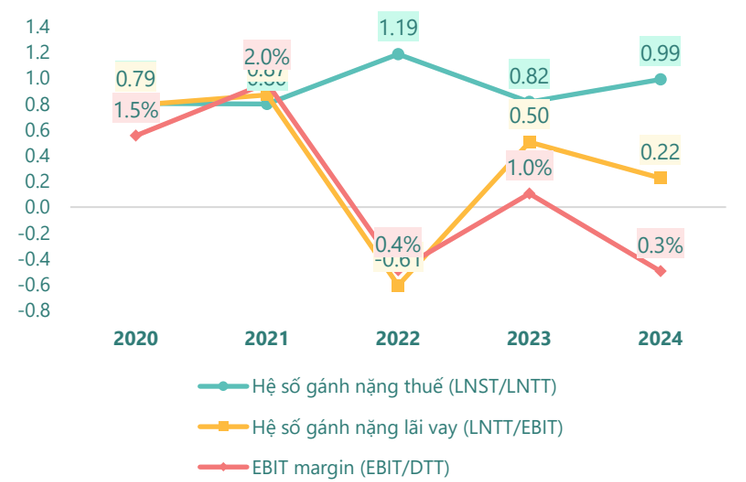
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



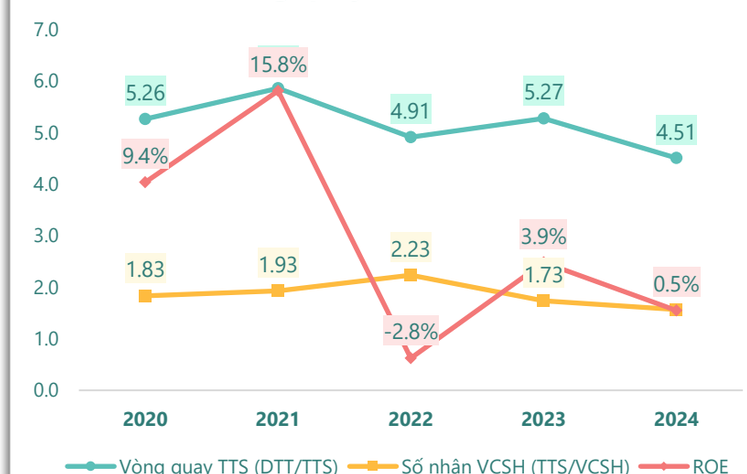
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



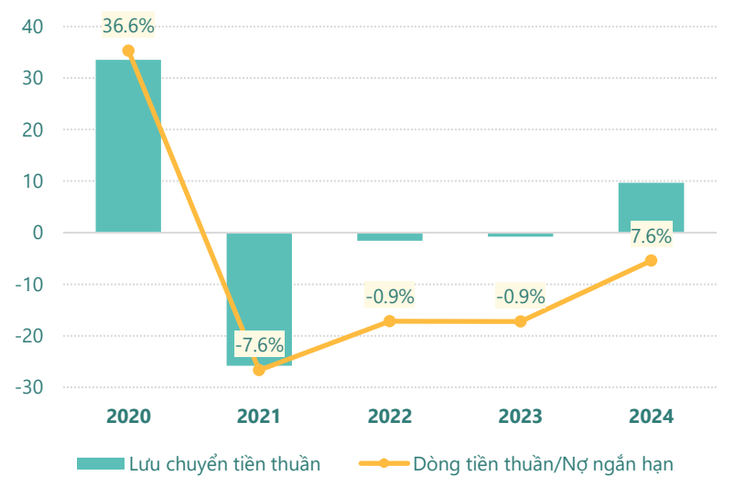
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**43.3**	**383**	**-88.7%**	**928**	**1,013**	**-8.4%**
Giá vốn hàng bán	41.3	379	-89.1%	906	994	-8.8%
Lợi nhuận gộp	2.08	4.17	-50.1%	21.7	19.5	11.2%
Doanh thu HĐTC	0.13	0.05	168%	1.68	0.32	422%
Chi phí TC	0.14	0.81	-83.3%	1.92	3.31	-42.1%
Chi phí lãi vay	0.13	0.80	-83.2%	1.65	3.29	-49.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.51	3.40	-85.0%	8.07	9.55	-15.5%
Chi phí QLDN	**5.95**	**4.14**	**43.7%**	**14.9**	**8.84**	**68.1%**
LN thuần từ HĐKD	-4.38	-4.14	-5.7%	-1.48	-1.89	21.7%
Lợi nhuận khác	**-0.05**	**0.00**		**-0.38**	**0**	
LN trước thuế	-4.42	-4.14	-6.8%	-1.86	-1.89	1.5%
Lợi nhuận sau thuế	**-3.54**	**-3.31**	**-7.0%**	**-1.58**	**-1.51**	**-4.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-3.54**	**-3.31**	**-7.0%**	**-1.58**	**-1.51**	**-4.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.4	108	-26.1	-9.48	-52.8	103
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.14	0.00	0.01	0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-11.2	-116	47.8	-8.62	63.8	-116
Tiền đầu kỳ	2.53	13.7	6.22	28.0	9.93	20.9
Lưu chuyển tiền thuần	**11.2**	**-7.47**	**21.8**	**-18.1**	**11.0**	**-12.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.01	0.01	-0.01	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	13.7	6.22	28.0	9.93	20.9	8.38

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**196**	**320**	**-38.7%**
Tài sản ngắn hạn	178	295	-39.5%
Tiền và tương đương tiền	8.38	28.0	-70.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	0.36	63.4	-99.4%
Hàng tồn kho	160	195	-17.7%
Tài sản ngắn hạn khác	9.26	8.62	7.4%
Tài sản dài hạn	**17.6**	**25.1**	**-29.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	12.5	17.1	-27.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.58	0.58	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.51**	**7.37**	**-38.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5.33	128	-95.8%
Nợ ngắn hạn	**5.33**	**128**	**-95.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	60.4	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.42	47.0	-97.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**191**	**192**	**-0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**191**	**192**	**-0.9%**
Vốn điều lệ	152	152	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)